

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2026.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T tham gia phiên tòa: bà Ngô Trần Tuyết Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 686/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1991; căn cước công dân: 072191004848 cấp ngày 16-8-2022; địa chỉ: Số 35, hẻm 21, đường L, khu phố 10, phường T, tỉnh T, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh Nhan Văn T, sinh năm 1988; căn cước công dân: 095088009906 cấp ngày 22-12-2021; địa chỉ: Số 35, hẻm 21, đường L, khu phố 10, phường T, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Nhan Văn T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 11-8-2010 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố T, tỉnh T, nay là phường T, tỉnh T. Sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn,

nguyên nhân chủ yếu là do anh T ham chơi, cờ bạc gây nợ nần, anh T gia trưởng, không quan tâm vợ con và gia đình. Chị đã nhiều lần muốn hàn gắn cho anh T thêm cơ hội nhưng anh T không thay đổi, Từ năm 2020 đến nay anh chị đã ly thân, không còn liên quan đến cuộc sống chung của nhau. Chị tự lao động kiếm tiền để lo cho con, nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Nhan Anh K, sinh năm 2011, từ ngày vợ chồng ly thân chị là người chăm lo cho con chung nên nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nhan Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt do đó không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Thị Mỹ D đối với anh Nhan Văn T. Về con chung: giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nhan Anh K, sinh năm 2011. Ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị D, anh T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố T, tỉnh T nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị D thì anh chị mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là vdo anh T không chăm lo cho cuộc sống của gia đình, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, khi mâu thuẫn thì anh chị đã ly thân từ tháng 2020 đến nay. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, thể hiện không có thiện chí

muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D với anh Nhan Văn T.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Nhan Anh K, sinh năm 2011, từ ngày ly thân cháu Kiệt sống chung với chị D, nay chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu về con chung này của chị D.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D với anh Nhan Văn T.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Nhan Anh K, sinh ngày 12-7-2011 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009028 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T, chị D đã thi hành xong tiền án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND khu vực 10 - T;
- THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Ly